

CÂU HỎI THI NỘI TRÚ
MÔN SINH LÝ BỆNH – MIỄN DỊCH

1. Trình bày bệnh nguyên của tiểu đường typ I và typ II.
2. Trình bày đặc điểm của tiểu đường typ I và typ II.
3. Trình bày bệnh sinh của tiểu đường typ I
4. Phân tích hậu quả của việc glucose không vào được tế bào trong bệnh tiểu đường.
5. Giải thích các biểu hiện ăn nhiều, uống nhiều, đái nhiều, gầy nhiều trong bệnh tiểu đường.
6. Trình bày các cơ chế gây phù. Phân tích các cơ chế gây phù trong suy tim phải.
7. Trình bày các cơ chế gây phù. Phân tích các cơ chế gây phù trong xơ gan.
8. Trình bày các cơ chế gây phù. Phân tích các cơ chế gây phù trong dị ứng.
9. Trình bày các cơ chế gây phù. Phân tích các cơ chế gây phù trong viêm cầu thận.
10. Trình bày các cơ chế gây phù. Phân tích các cơ chế gây phù trong phù phổi.
11. Phân loại nhiễm acid, mỗi loại cho một ví dụ.
12. Nguyên nhân, biểu hiện của nhiễm acid hơi.
13. Nguyên nhân, biểu hiện của nhiễm acid cố định.
14. Phân tích cơ chế nhiễm acid trong bệnh tiêu chảy cấp.
15. Phân tích cơ chế nhiễm acid trong bệnh tiểu đường.
16. Trình bày cơ chế, biểu hiện và ý nghĩa của sung huyết động mạch tại ổ viêm.
17. Trình bày cơ chế, biểu hiện và ý nghĩa của sung huyết tĩnh mạch tại ổ viêm.
18. Trình bày giai đoạn ứ máu tại ổ viêm.
19. Trình bày cơ chế hình thành, thành phần và tính chất dịch viêm.
20. Trình bày hiện tượng bạch cầu bám mạch và xuyên mạch tại ổ viêm.
21. Trình bày hiện tượng bạch cầu thực bào tại ổ viêm.
22. Phân tích rối loạn chuyển hoá trong ổ viêm.
23. Trình bày các giai đoạn của quá trình sốt.
24. Trình bày thay đổi chuyển hoá trong sốt.
25. Trình bày thay đổi chức năng thần kinh, tuần hoàn và hô hấp trong sốt.
26. Trình bày thay đổi chức năng tiêu hoá, tiết niệu và nội tiết trong sốt.
27. Phân tích ý nghĩa bảo vệ, tác dụng xấu của sốt và thái độ xử trí sốt.
28. Trình bày bệnh nguyên nhân và đặc điểm của thiếu máu do chảy máu ra ngoài lòng mạch.
29. Trình bày thiếu máu do tan máu: đặc điểm, phân tích các nguyên nhân do bệnh lý của bản thân hồng cầu.

30. Trình bày thiếu máu do tan máu: đặc điểm, phân tích các nguyên nhân ngoài hồng cầu.
31. Trình bày thiếu máu do thiếu sắt và thiếu vitamin.
32. Phân tích những hoạt động thích nghi của cơ thể khi thiếu máu.
33. Trình bày bệnh lý rối loạn thông khí do độ cao.
34. Trình bày bệnh lý rối loạn thông khí do không khí tù hãm và do ngạt.
35. Trình bày rối loạn thông khí do các bệnh lý của bộ máy hô hấp.
36. Trình bày rối loạn khuếch tán do giảm diện tích màng khuếch tán.
37. Trình bày rối loạn khuếch tán do giảm hiệu số khuếch tán (hiệu số phân áp).
38. Phân tích các nguyên nhân chung gây suy tim.
39. Phân tích cơ chế các biểu hiện chính của suy tim trái.
40. Phân tích cơ chế các biểu hiện chính của suy tim phải.
41. Phân tích các biện pháp thích nghi của tim: tăng nhịp và dẫn tim.
42. Phân tích các biện pháp thích nghi của tim: tăng nhịp và phì đại tim.
43. Trình bày các rối loạn tiết dịch tại ruột.
44. Hội chứng tiêu chảy: nguyên nhân, cơ chế và hậu quả.
45. Trình bày sơ đồ nguyên nhân, cơ chế và hậu quả của tiêu chảy. Chỉ ra vòng xoắn bệnh lý trong sơ đồ này.
46. Trình bày nguyên nhân, cơ chế và hậu quả của tắc ruột và táo bón.
47. Trình bày bệnh nguyên, bệnh sinh và hậu quả của giảm hấp thu tại ruột.
48. Trình bày các rối loạn chuyển hoá trong suy gan.
49. Phân loại vàng da khi có rối loạn sắc tố mật.
50. Trình bày các hậu quả của tăng áp lực tĩnh mạch cửa.
51. Phân tích cơ chế gây báng nước (cổ trướng) trong xơ gan.
52. Hôn mê gan: biểu hiện, cơ chế.
53. Đáp ứng miễn dịch tự nhiên (không đặc hiệu): khái niệm, đặc điểm, vai trò của da và niêm mạc.
54. Đáp ứng miễn dịch tự nhiên (không đặc hiệu): vai trò của các tế bào.
55. Đáp ứng miễn dịch tự nhiên (không đặc hiệu): khái niệm, đặc điểm, vai trò của các phân tử.
56. Đáp ứng miễn dịch tự nhiên (không đặc hiệu): khái niệm, đặc điểm, vai trò của thực bào.
57. Đáp ứng miễn dịch tự nhiên (không đặc hiệu): khái niệm, đặc điểm, vai trò của bạch cầu ái kiềm, tế bào mast, bạch cầu ái toan và tế bào diệt tự nhiên.
58. Tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch: tế bào lympho T.
59. Tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch: tế bào lympho B.
60. Tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch: bạch cầu đơn nhân và đại thực bào.
61. Tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch: bạch cầu hạt trung tính, ái kiềm và ái toan.
62. Tế bào tham gia đáp ứng miễn dịch: bạch cầu ái kiềm, tế bào mast và tiểu cầu.
63. Trình bày các tế bào trình diện kháng nguyên ngoại bào và kháng nguyên nội sinh.
64. Trình bày quá trình tóm bắt và xử lý các kháng nguyên protein ngoại bào.

65. Trình bày các bước mà kháng nguyên ngoại bào phải trải qua để được TCD4 nhận diện.
66. Trình bày quá trình xử lý và kết hợp các peptid mới sinh với các phân tử MHC lớp II.
67. Trình bày sự trình diện các kháng nguyên nội sinh kết hợp với các phân tử MHC lớp I.
68. Trình bày vai trò của thụ thể tế bào lympho T (TCR : *T cell receptor*) và phân tử kết dính trong quá trình nhận biết kháng nguyên.
69. Trình bày vai trò của T_H và T_S trong điều hòa và kiểm soát đáp ứng miễn dịch.
70. Trình bày vai trò của T_C & T_{DTH} trong việc loại trừ kháng nguyên của đáp ứng miễn dịch tế bào.
71. Trình bày vai trò hỗ trợ của T_H với lympho bào B trong việc loại trừ kháng nguyên.
72. Trình bày vai trò của tế bào NK, K, LAK trong việc loại trừ kháng nguyên của đáp ứng miễn dịch tế bào.
73. Trình bày cấu trúc của globulin miễn dịch: chuỗi nhẹ, chuỗi nặng, cầu disulfua và các domain, vùng bản lề.
74. Trình bày chức năng của globulin miễn dịch: chức năng Fab.
75. Trình bày chức năng nhận biết và kết hợp đặc hiệu kháng nguyên của globulin miễn dịch.
76. Trình bày chức năng của globulin miễn dịch: chức năng Fc.
77. Trình bày chức năng hoạt hoá hệ miễn dịch không đặc hiệu của globulin miễn dịch.
78. Trình bày hoạt hoá bổ thể theo đường cổ điển: tác nhân, các bước.
79. Trình bày các bước hoạt hoá bổ thể theo đường cổ điển.
80. Trình bày hoạt hoá bổ thể theo đường alternative.
81. Trình bày sự điều hoà hoạt hoá bổ thể.
82. Trình bày sơ đồ tóm tắt hoạt hoá bổ thể theo đường cổ điển và đường alternative.
83. Hãy kể các biện pháp né tránh mà vi sinh vật sử dụng để chống lại hệ thống đề kháng của vật chủ.
84. Trình bày phương thức ẩn dật của vi sinh vật.
85. Trình bày phương thức thay đổi kháng nguyên bề mặt của vi sinh vật.
86. Trình bày phương thức né tránh hệ thống đề kháng của HIV.
87. Trình bày cơ chế bảo vệ không đặc hiệu chống vi khuẩn ngoại bào.
88. Trình bày vai trò miễn dịch dịch thể trong đề kháng chống vi sinh vật ngoại bào.
89. Trình bày cơ chế bảo vệ không đặc hiệu chống vi khuẩn nội bào.
90. Trình bày cơ chế bảo vệ đặc hiệu chống vi khuẩn nội bào.
91. Trình bày khái niệm, các yếu tố tham gia quá mẫn typ I.
92. Trình bày quá mẫn typ I: sự hoạt hoá tế bào mast, ái kiềm và các hoạt chất chủ yếu.
93. Chứng minh vai trò của cơ địa trong quá mẫn typ I.
94. Trình bày sóc phản vệ thực nghiệm và sóc phản vệ ở người.

95. Trình bày bệnh atopi, nêu các ví dụ.
96. Trình bày thiếu năng miễn dịch bẩm sinh dòng tế bào lympho T.
97. Trình bày hội chứng Di George.
98. Trình bày thiếu năng miễn dịch bẩm sinh dòng tế bào lympho B.
99. Trình bày hội chứng Bruton.
100. Trình bày thiếu năng miễn dịch phối hợp nặng.